TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DMC** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2019/DS-ST
Ngày 24-10-2019
Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Bùi Thị Hải Đường.
Ông Mai Văn Tự.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 7, ấp TT, xã TM, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1988; anh Lê Quang S (T), sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 16, ấp TT, xã TM, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bà H có mặt tại phiên tòa; chị A; anh S (T) vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2019 nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:

Ngày 18-6-2017 âm lịch, bà H có mở dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 31 phần, chị A có tham gia một phần và hốt hụi vào kỳ thứ 8 ngày 18-12-2017 âm lịch và có nghĩa vụ góp (đóng) lại hụi chết cho đến khi mãn hụi. Đến ngày 05-01-

2019 dương lịch (nhằm ngày 30-11-2018 âm lịch) bà tuyên bố bể hụi, chị A, anh S không góp (đóng) hụi chết và ngưng cho đến nay. Hiện tại chị A, anh S còn nợ bà H 12 kỳ hụi chết X 2.000.000 đồng/tháng = 24.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà H trình bày:

Tại phiên hoà giải ngày 05 - 7 - 2019, bà H, chị A đã thoả thuận được số tiền còn nợ hụi là 24.000.000 đồng, chị A yêu cầu một mình trả số nợ hụi trên và được bà H đồng ý. Chị A không đồng ý chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nay bà yêu cầu chị A trả số tiền 24.000.000 đồng, bà không yêu cầu anh Lê Quang S (chồng chị A) cùng liên đới chịu trách nhiệm về số nợ này và bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải ngày 05-7-2019, chị A thừa nhận còn nợ tiền hụi và chị đồng ý trả số tiền 24.000.000 đồng, chị A không đồng ý chịu án phí theo quy định pháp luật.

Anh Lê Quang S (T) được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280; 471 Bộ Luật Dân sự. Điều 24; 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ.

Tuyên bố chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc chị A trả số tiền hụi còn nợ 24.000.000 đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu chị A và anh S trả số tiền hụi chết còn nợ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Chị A, anh S là người bị kiện có nơi cư trú tại ấp TT, xã TM, Huyện DMC, tỉnh TN. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thời hiệu khởi kiện hợp đồng là 03 năm. Chị A, anh S không góp hụi chết từ tháng 01-2019, đến ngày bà H khởi kiện 05-6-2019 là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hợp đồng góp hụi:

Tại biên bản hoà giải ngày 05-7-2019 bà H, chị A thoả thuận được số tiền phải trả là 24.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị A từ chối chịu án phí nên Toà án không lập biên bản hoà giải thành.

Ghi nhận bà H, chị A không yêu cầu anh Lê Quang S (T) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nêu trên. Xét thoả thuận của bà H, chị A là hoàn toàn tự nguyện không trái với pháp luật, không trái đạo đức xã hội vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Phát biểu đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 24; 27 Nghị định số: 19/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H đối với chị Nguyễn Thị Kim A, anh Lê Quang S (T).

Buộc chị Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ trả lại cho bà Trương Thị H số tiền hụi còn nợ 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Ghi nhận bà H, chị A không yêu cầu anh Lê Quang S (T) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nêu trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh TN hoàn trả cho bà H 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011860 ngày 11 tháng 6 năm 2019.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự".

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).